

Bản án số: 04/2024/LĐ - ST
Ngày: 07 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp đòi tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chu Thị Tuyết.
- Ông Nguyễn Quang Đạt.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST - LĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp đòi tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST - LĐ ngày 08/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST - LĐ ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Tạ Thu V, sinh ngày 18/5/1994; địa chỉ: số E, hẻm D Chùa B, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Q; địa chỉ: C L, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy D - Chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thu V trình bày:

Từ ngày 18/04/2022 đến ngày 31/03/2023, chị V là người lao động làm việc tại Công ty TNHH Q do ông Nguyễn Huy D làm giám đốc. Trong thời gian làm việc tại Công ty, chị V thường xuyên bị Công ty nợ lương và không được đóng bảo hiểm xã hội. Dù đã nhiều lần kiến nghị với ông Nguyễn Huy D về việc

trả lương đúng hạn và được đóng bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi tối thiểu cho người lao động nhưng ông D chỉ hứa hẹn là sẽ trả lương đúng hạn và đóng bù bảo hiểm mà không thực hiện. Cho đến hiện nay, dù đã nghỉ việc tại công ty từ ngày 15/4/2023, nhưng Công ty TNHH Q vẫn nợ và không trả lương cho chị V từ tháng 11 năm 2022 cho đến hết tháng 3 năm 2023, tổng số tiền là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng). Cụ thể:

Tháng	11/2022	12/2022	1/2023	2/2023	3/2023
Số tiền	6 triệu	7 triệu	15 triệu	15 triệu	15 triệu
Tổng số tiền	58 triệu đồng				

Ngày 19/4/2023, chị V cùng một số người lao động khác đã làm việc tại Công ty đã có buổi làm việc với ông Nguyễn Huy D yêu cầu trả lương đầy đủ và có lộ trình trả lương. Sau buổi làm việc, ông Nguyễn Huy D - giám đốc công ty xác nhận còn nợ chị V số tiền là 58.000.000 đồng và cam kết đến ngày 15/7/2023 sẽ trả hết lương cho chị V theo lộ trình 3 lần: Lần 1 vào ngày 15/5/2023 là 17.400.000 đồng; Lần 2 vào ngày 15/6/2023 là 17.400.000 đồng; Lần 3 vào ngày 15/7/2023 là 23.200.000 đồng. Dù đã cam kết nhưng đến ngày hạn thanh toán lần 1, ông D vẫn trốn tránh và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 13/6/2023, chị V đã gửi Đơn kiến nghị lên Phòng Lao động - Thương binh xã hội quận T để yêu cầu can thiệp hòa giải nhưng ông Nguyễn Huy D vẫn không hợp tác và từ chối hòa giải.

Việc ông Nguyễn Huy D không trả nợ đã gây cho chị V rất nhiều khó khăn, thiệt hại. Những hành vi của ông D là hành vi chối bỏ trách nhiệm với người lao động và coi thường pháp luật. Do vậy, ngày 20/10/2023, chị V có làm đơn khởi kiện Công ty TNHH Q với các yêu cầu như sau:

- Buộc Công ty TNHH Q phải trả cho chị V toàn bộ số lượng còn nợ chị V là 58.000.000 đồng.
- Buộc Công ty TNHH Q phải đền bù phát sinh trong thời gian công ty nợ lương của chị V cho đến nay theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng N quy định.
- Buộc Công ty TNHH Q chi trả quyền lợi bảo hiểm bắt buộc cho người lao động.

Ngày 21/5/2024, chị V có làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Rút yêu cầu buộc Công ty TNHH Q chi trả quyền lợi bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và rút yêu cầu buộc Công ty TNHH Q phải đền bù phát sinh trong thời gian công ty nợ lương của chị V cho đến nay theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng N quy định.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là Công ty TNHH Q, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không có

ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thu V.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lương còn nợ là: 58.000.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án quá trình giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Q thanh toán trả tiền lương từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 cho chị Tạ Thu V số tiền là: 58.000.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị Tạ Thu V khởi kiện đòi tiền lương phát sinh từ Hợp đồng lao động với bị đơn là Công ty TNHH Q, tranh chấp đã được hòa giải tại Phòng Lao động Lao động - Thương binh và Xã hội quận T nhưng không thành. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp đòi tiền lương*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn Công ty TNHH Q có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại địa chỉ tại C L, phường K, quận T, thành phố Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện:* Công ty TNHH Q và chị Tạ Thu V ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 02/2022/HĐLĐ ngày 17/08/2022, Hợp đồng trên

được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng trên hợp pháp, có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ phải thi hành. Quá trình làm việc tại Công ty chị V được trả lương đầy đủ. Tuy nhiên, từ tháng 11/2022 đến tháng 03/2023, Công ty TNHH Q1 trả lương cho chị V nên từ ngày 15/4/2023 chị V đã nghỉ việc tại công ty. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập Công ty TNHH Q nhưng Công ty TNHH Q không đến làm việc và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thu V. Tại biên bản làm việc ngày 28/4/2023 cùng phụ lục và biên bản cam kết trả tiền thì ông Nguyễn Huy D – Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Q thừa nhận: “*chị Tạ Thu V chưa được trả lương đầy đủ theo thỏa thuận với Công ty TNHH Q. Bằng biên bản này, tôi cam kết tôi và Công ty TNHH Q sẽ chi trả đầy đủ phần lương còn thiếu của chị Tạ Thu V1 theo số tiền và lộ trình thỏa thuận trong phụ lục. Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu tôi và Công ty TNHH Q không thực hiện đầy đủ cam kết, thì chị V có quyền đưa vụ việc này ra trước pháp luật để xử lý*”. Như vậy, Công ty TNHH Q2 thừa nhận còn nợ tiền lương chị Tạ Thu V với tổng số tiền lương 58.000.000 đồng nên chị Tạ Thu V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Q3 trả số tiền lương còn thiếu là có căn cứ để chấp nhận.

Ngày 21/5/2024, chị V có làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Rút yêu cầu buộc Công ty TNHH Q chi trả quyền lợi bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và rút yêu cầu buộc Công ty TNHH Q phải đền bù phát sinh trong thời gian công ty nợ lương của chị V cho đến nay theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng N quy định. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của chị Tạ Thu V nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên và chị Tạ Thu V có quyền khởi kiện phần yêu cầu khởi kiện đã rút nêu trên.

[4] *Về án phí*: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty TNHH Q phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 95, Điều 97, điểm a khoản 2 Điều 219 Bộ luật Lao động 2019;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thu V đã rút là:

- Buộc Công ty TNHH Q chi trả quyền lợi bảo hiểm bắt buộc cho chị Tạ Thu V.
- Buộc Công ty TNHH Q phải đền bù phát sinh trong thời gian Công ty nợ lương của chị V cho đến nay theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng N quy định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chị Tạ Thu V

Buộc Công ty TNHH Q phải trả cho chị Tạ Thu V số tiền lương còn nợ là: 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Công ty TNHH Q phải chịu 1.740.000 đồng (một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Xuân;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Vân

